

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1255/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mai Lan

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 700/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Bảo N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 12 đường Trương Minh Ký, Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1990; trú tại: Số 12 đường Trương Minh Ký, Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bảo N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Việt T tự nguyện quen biết và yêu thương nhau đến năm 2013 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2013 quyền số 01/2013 ngày 21 tháng 02 năm 2013. Chị và anh T chung sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, cách nuôi dạy con nên gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị và anh T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh T đã sống ly

thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bảo N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là: Nguyễn Việt Phúc T, sinh ngày 03/11/2017. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Việt T và giấy triệu tập anh T đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bảo N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Việt T. Về con chung: Do trẻ Thịnh trước giờ vẫn do chị N chăm sóc vì anh T đi làm công trình thường xuyên vắng nhà nên chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là: Nguyễn Việt Phúc T, sinh ngày 03/11/2017 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Việt T vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, chị N và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bảo N. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bảo N được ly hôn với anh Nguyễn Việt T; Về con chung: Giao con chung tên là: Nguyễn Việt Phúc T, sinh ngày 03/11/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Huỳnh Thị Bảo N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Việt T, đây là quan hệ: “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Thắng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 02 năm 2013, xác định hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Bảo N và anh Nguyễn Việt T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bảo N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị N trình bày giữa chị và anh Nguyễn Việt T không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn gay gắt về kinh tế và nuôi dạy con chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị N và anh T đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh Thắng, Tòa án đã triệu tập anh T tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà chị N và anh T hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh T vẫn không có mặt thể hiện anh T không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc.

Về người trực tiếp nuôi con: Để ổn định tinh thần và cuộc sống của trẻ Nguyễn Việt Phúc T, sinh ngày 03/11/2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Thịnh, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu trong vụ án này.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bảo N được ly hôn với anh Nguyễn Việt T (Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21 tháng 02 năm 2013 không còn hiệu lực).

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Bảo N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là: Nguyễn Việt Phúc T, sinh ngày 03/11/2017 cho đến khi trẻ Thịnh đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Việt T cho đến khi có yêu cầu.

Anh Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Huỳnh Thị Bảo N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0046985 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Bảo N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Việt T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Mộng Tuyền